

Khải - Định Tân-dậu đông

GIAO - TIÊN VĂN

# SỰ-NAM BÔN CHỦ

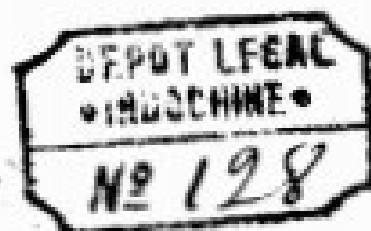


Soạn-giả  
TRẦN-QUANG-TẶNG

Tham-dinh  
TRẦN-TUẤN-KHẢI

In lần thứ nhất

Giá 0 \$ 15



HANOI

IMPRIMERIE THUC-NGHIẾP AN-QUAN

1922



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : SỬ-NAM BỐN CHỮ

Soạn-giả : TRẦN-QUANG-TẶNG

Tham-đính : TRẦN-TUẤN-KHẢI

Nhà xuất bản : THÚC NGHIỆP ẤN-QUÁN

Năm xuất bản : 1922

-----

Nguồn sách : [scmn-vietnam.blogspot.com](http://scmn-vietnam.blogspot.com)

Đánh máy : yeuhoatigone

Kiểm tra chính tả : Thư Võ

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 30/11/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận  
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG  
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn soạn-giả TRẦN-QUANG-TẶNG, TRẦN-TUẤN-  
KHẢI và THÚC NGHIỆP ẤN-QUÁN đã chia sẻ với bạn  
đọc những kiến thức quý giá.**

**Ghi Chú :** Nhằm lưu giữ vết tích xưa của tiếng Việt, nhóm làm ebook sao y chính tả của bản sách gốc in năm 1922.

**KHẢI-ĐỊNH Tân-dậu đông**  
**GIAO-TIÊN VĂN**

# **SỬ-NAM BỐN CHỮ**

*Soạn-giả* **TRẦN-QUANG-TẶNG**  
*Tham-đính* **TRẦN-TUẤN-KHẢI**

In lần thứ nhất

Giá 0\$15



**HANOI**  
**IMPRIMERIE THÚC NGHIỆP ẤN-QUÁN**  
**1922**

## **SỬ NAM BỐN CHỮ**

Tiên tổ dẫu đã xa  
Non sông vẫn nước nhà,  
Bốn nghìn năm công-nghiệp,  
Muôn dặm đất gấm hoa.

Mở xem lịch-sử đó,  
Nhớ đến công tiên-tổ.  
Hăm mấy triệu đồng-bào !  
Anh em ơi ! Phải cố...

**Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI** cần đề

**1.** Nước ở phương nam,  
Tên gọi Đại-nam,  
Ta là người Nam,  
Nên hiểu truyện Nam.

**2.** Người xưa, việc cũ,  
Chép lại sử xanh,  
Như gương chụp ảnh,  
Như ống lưu-thanh.

**3.** Nay thuật qua-loa,  
Dạy trẻ ngâm-ngã,  
Giục lòng ghi-nhớ,  
Luyện óc giần-già.

**4.** Nước có giếng-nòi,  
Từ đâu mà noi ?  
Gốc nguồn tông-tích,  
Trước phải xét-soi.

**5.** Vua Kinh-dương trước,  
Chính là Tổ nước,  
Lấy tiên Động-đình,  
Sinh ra vua Lạc.

**6.** Ông Lạc-long ta,  
Lấy bà Âu-ky,  
Trăm trai một bọc,  
Sinh nở cũng kỳ !

**7.** Cha rồng mẹ tiên,  
Con thánh cháu hiền,  
Muôn chi nghìn phái,

Ròng rỗi lưu-truyền.

**8.** Nay đến chúng ta,  
Là cháu chắt xa,  
Ngót ba mươi triệu,  
Máu mủ ruột già.

**9.** Cùng giống vàng da,  
Yêu lấy dân ta,  
Cùng nòi Hồng Lạc,  
Yêu lấy nước nhà.

**10.** Đất nước non, sông,  
Là của báu chung.  
Đâu còn nên hiểu,  
Đâu mất phải thông.

**11.** Khi đức Kinh-dương,  
Dựng nước Viêm-phương,  
Từ miền Ngũ-lĩnh,<sup>1</sup>  
Đến bộ Việt-thường.

**12.** Xuống hội trung-gian,  
Mới hệt đi giần,  
Chia hai phần nước,  
Ước quá một phần.

**13.** Quảng-nguyên, Quảng-châu,  
Hợp-phố, Cổ-lâu,<sup>2</sup>  
Sáu châu Hưng-hóa,  
Đều mất sang Tàu.

**14.** Còn như đất mới,



Cũng là rộng-rãi,  
Một phủ Trấn-ninh,  
Triều Lê mở cõi.

**15.** Triều Nguyễn mở-mang,  
Thanh, Nghệ tân-cương,  
Chín châu Cam lộ,<sup>3</sup>  
Sáu tỉnh Sài-goòng.<sup>4</sup>

**16.** Hiện nay cương-vực,  
Dài ngay một mực,  
Hà-tiên, đầu nam,  
Hòa-bình, đầu bắc.

**17.** Băm một vạn ky,<sup>5</sup>  
Thước vuông làm ghi,  
Chia ra ba xứ,  
Trung, Nam, Bắc-kỳ.

**18.** Giáp giới những đâu ?  
Bắc giáp nước Tàu,  
Tây giáp Mán, Lào,  
Đông, nam vụng sâu.

**19.** Núi cao : Tản, Đảo,  
Sông lớn : Nhĩ, Long,  
Tắc vàng tắc đất,  
Công nghiệp cha ông.

**20.** Trời Nam mở trước,  
Là họ Hồng-bàng,  
Vua đầu ra trị,

Là đức Hùng-dương, <sup>6</sup>

**21.** Mười tám vua Hùng,  
Hai nghìn năm lẻ,  
Sang Đường mang rùa,  
Vào Chu đưa trĩ.

**22.** Thực-vương tài nỏ, <sup>7</sup>  
Giặc sợ như thần,  
Bình-giang chia cõi,  
Mắc mọo gia-thân.

**23.** Triệu-vương truyền ngôi,  
Năm đời sau trước,  
Cù-hậu nghiêng thành,  
Lã-gia lằm nước.

**24.** Vận nước thương ôi !  
Tán loạn một hồi,  
Hàng trăm năm ngoại,  
Đất mới sinh tài.

**25.** Vua-bà Trưng Trắc,  
Muôn thừa một người,  
Báo thù độc-lập,  
Hùng-khí rục trời.

**26.** Đạo đời còn bĩ,  
Lại đến hồi này,  
Bốn trăm năm lẻ,  
Trời mới quang mây.

**27.** Tiên-Lý khôi-phục,

Đặt nước Vạn-xuân,  
Hiệu xưng Nam-đế,  
Dạng vẽ quốc-quân.

**28.** Triệu-Việt chống lương,  
Móng rồng thị uy,<sup>8</sup>  
Ô-diên chia cỗi,  
Hậu-Lý thừa-ky.

**29.** Phạt-tử đánh Triệu,  
Cam đã phụ nghì,  
Cớ chi nhần-nhục,  
Hàng-phục về Tùy ?

**30.** Vì ai nên nổi !  
Non nước ngậm-ngùi ?  
Ba trăm năm nữa,  
Chủ-tể là ai ?

**31.** Ông Mai, ông Phùng,  
Ông Khúc, ông Dương,  
Danh tuy xướng-khởi,  
Thực chữa chủ-trương.

**32.** Tiền-Ngô phá Hán,  
Sang dòng Hồng-lạc,  
Gửi con Dương-kha,  
Nhằm người phó-thác.

**33.** Nam-tấn, Thiên-sách,  
Một nước hai vua,  
Mười hai quan Sứ,  
Ong kiến tranh-đua !

**34.** Đêm mở cờ lau,  
Đinh-hoàng giệp loạn,  
Hùm, vạc dữ uy,  
Rượu, Hoa <sup>9</sup> vời nạn.

**35.** Hậu <sup>10</sup> trao long-cổn,  
Lê-hoàng thay Đinh,  
Bình Xiêm dẹp Tống,  
Rực-rỡ uy-linh.

**36.** Ngọa-triều mưu anh,  
Giông lòng tàn-ngược,  
Đã mất lòng dân,  
Khôn bền vận nước.

**37.** Lý-tổ có đức,  
Lòng chúng suy-tôn,  
Tục truyền thần đẻ ?  
Truyện chép rỗng lên ?

**38.** Thánh-tôn dựng-đặt,  
Binh-pháp đường-hoàng,  
Tống-triều bắt chước,  
Khen cũng vẻ-vang.

**39.** Nhân-tôn sùng-học,  
Mới mở khoa trường,  
Sai quan đánh Tống,  
Thế nước hùng-cường.

**40.** Ông Huệ điên-cuồng,  
Truyền ngôi con gái,  
Bà Chiêu trẻ-thơ,

Nhường quyền họ ngoại.

**41.** Chiêu-hoàng xuống chiếu,  
Trần-thái lên ngôi,  
Mưu-mô Thủ-độ,  
Khôn-khéo vẽ vờ.

**42.** Thánh-tôn nổi vị,  
Chính lành, nước trị,  
Mới mạnh Văn-hữu,  
Làm pho Sử-ký.

**43.** Nhân-tôn bình Nguyên,  
Công các tôi hiền,  
Au vàng, ngựa đá,<sup>11</sup>  
Khen ngợi thần-quyền.

**44.** Làm máy lung-linh,<sup>12</sup>  
Vua Hiến sao tinh ?  
Vẽ đồ tứ-phụ,<sup>13</sup>  
Vua Nghệ không minh !

**45.** Bố con Hồ-quý,  
Lưới trời không dung,  
Chú cháu Giản-định,  
Bước đất long-đong.

**46.** Ngô thời phá tán,  
Lê-tổ trừ tàn,  
Non xanh nước biếc,  
Nghì-vệ áo vàng.

**47.** Truyền đến Thánh-tôn,

Nước đã văn-minh,  
Nhằm vì Uy-mục,<sup>14</sup>  
Mạc mới tung-hoành.

**48.** Nguyễn-công xướng nghĩa,  
Rước Trang-tôn về,  
Tiểu-trừ giặc Mạc,  
Chấn-chỉnh giếng Lê.

**49.** Trịnh-kiểm thay chức,  
Trộn nghiệp trung-hưng,  
Trịnh-tùng nổi tước,  
Mở lối bằng-lãng.

**50.** Vua Lê chúa Trịnh,  
Trong triều hai chủ,  
Chúa Nguyễn miền Nam,  
Ngoài trời vũ-trụ.

**51.** Báu thiêng ngời giữ,  
Quyền-chính mặc ai,  
Trăm quan thi-vị,  
Phó mặc truyện đời.

**52.** Nguyễn-Chỉnh giả ranh,  
Phù Lê duyệt Trịnh,  
Tây-sơn lẫn vào,  
Mẫn-hoàng xa lánh.

**53.** Quang-trung đuổi Thanh,  
Nổi tiếng anh-hùng,  
Một màu tàn-bạo,  
Hai đời suy-vong.

**54.** Triều Nguyễn ta lên,  
Đóng kinh ở Huế,  
Núi Bình, sông Hương,  
Hiểm thay hình-thế !

**55.** Đức Vua Gia-long,  
Ba độ áo nhung,  
Nước non một mối,  
Khai-sáng bao công !

**56.** Vua Minh-mệnh nổi,  
Nước mạnh dân bình,  
Cống-man nộp đất,  
Cao-miên đặt thành.

**57.** Truyền vua Thiệu-trị,  
Nổi nghiệp giữ nên,  
Ngoài man vào cống  
Trong bể đều yên.

**58.** Đến vua Tự-đức,  
Nước Pháp mới sang,  
Bắc-thành xin giả,  
Tây-cống cắt nhường.

**59.** Năm đầu Kiến-phúc,  
Bảo-hộ từ đây,  
Thánh-thần truyền giầu,  
Đến vua ta nay.

**60.** Mới mười một vua,  
Một trăm năm ngoại,  
Kính chúc ngôi trời,

Muôn năm hanh-thái...

**61.** Vua, Chúa đổi thay,  
Đã kể trên này,  
Nổi theo một đoạn,  
Tôi hiền xưa nay.

**62.** Quan tướng Thường-kiệt,  
Sang đánh Ung-châu,<sup>15</sup>  
Trải xem sau trước,  
Công võ là đầu.

**63.** Hiễn-thành nhận chiếu,  
Phò dựng con trời,  
Khinh vàng trọng ngãi,  
Phụ-chánh một người.

**64.** Phụ-trần trong giặc,  
Một ngựa ra vào,  
Ván thuyền cứu chúa,  
Gan tướng mới hào.

**65.** Tước-vương Hưng-đạo,  
Văn võ gồm tài,  
Bình Nguyên công lớn,  
Tôn thất không hai.

**66.** Chu-an dâng sớ,  
Trung-ái một lòng,  
Từ quan về núi,  
Giá sạch tiếng trong.

**67.** Nguyễn-công tên Trãi,



Dâng sách bình Ngô,  
Vì nhà vì nước,  
Trung hiếu nghìn thu.

**68.** Mưu cao, công dật,  
Như Đào-duy-Từ,  
Ngọa-long tự ví,  
Đích-đáng không hư.

**69.** Công võ rõ ràng,  
Như Nguyễn-hữu-Tiến,  
Oai hổ tiếng đồn,  
Càng thêm vinh-hiến.

**70.** Ông Hầu chân lính,  
Quan Tướng làng nho,  
Ngũ-lão, Đình-Trọng,  
Chí lớn công to.

**71.** Vũ-tụ, khước-lựa,  
Đĩnh-chi, từ tiền,  
Trong triều ngoài dã,  
Khen ngợi tiếng liêm.

**72.** Trời chuyển gió lay,  
Mới biết cây ngay,  
Mấy người trung nghĩa,  
Xem đến đoạn này.

**73.** Phu-duyet họ Trương,  
Chẳng viết chiếu nhường,  
Mấy lời mắng giặc,  
Gieo nặng đá vàng.

**74.** Lê-lai đổi áo,  
Thế mạng vua Lê,  
Tấm lòng trung-ái,  
Non nước còn ghi.

**75.** Tuấn-mậu ném đá,  
Quạ già nát gan,<sup>16</sup>  
Tỏ ra nghĩa lớn,  
Giải chút niềm đan.

**76.** Thái-bạt giả quáng,  
Nhổ mặt Đấng-dung,  
Gieo đầu thêm điện,  
Thác cũng là trong.

**77.** Vũ-thiệu đốt biểu,  
Trời đất chứng-tri,  
Không lòng thờ Trịnh,  
Vẫn dạ tôn Lê.

**78.** Ông Nguyễn-huy-Trạc,  
Chẳng ký hợp-đồng,  
Một liều thuốc độc,  
Giải tấm lòng trung.

**79.** Lê-quýnh sang Tàu,  
Chẳng chịu gọt đầu,  
Uy-quyền không khuất,  
Son sắt một màu.

**80.** Tùng-chu, Tôn-tính,  
Văn-võ một lòng,  
Liều cùng thành quách,

Toàn cả tiết trung.

**81.** Tam-trung <sup>17</sup> mộ cửa,  
Kỷ-niệm không quên,  
Tứ-trung <sup>18</sup> một miếu,  
Sùng-bái là nên.

**82.** Cảnh-tuân bày sách,  
Rằng chí nam-nhân,  
Phù-xa <sup>19</sup> đánh giặc,  
Kìa biển nghĩa-dân.

**83.** Văn-hiến có nòi, <sup>20</sup>  
Chẳng hiếm người tài,  
Kể riêng các bậc,  
Tài lạ tuyệt đời.

**84.** Học tỏ Sỹ-vương,  
Khơi ròng Hán-tự,  
Tiên-hiền Nguyễn-chuyên,  
Xướng nền quốc-ngữ. <sup>21</sup>

**85.** Mang đá nghìn cân,  
Ném giao mười dăm,  
Ông Phùng, ông Lê, <sup>22</sup>  
Tướng tài lạ lắm.

**86.** Hiếu tiếng man-di,  
Nhuận-duật ai bì,  
Việc đời biết trước,  
Trạng-trình khéo suy.

**87.** Nguyễn-mại công-bình,

Xử kiện rất minh,  
Thế-vinh thông tuệ,  
Sách tính lập thành.

**88.** Còn như tuổi trẻ,  
Cùng là gái tài,  
Tiếng thơm sử sách,  
Cũng chép một vài :

**89.** Đồng-vương ba tuổi,  
Phá giặc An-thương,  
Trời sinh thần tướng,  
Hoặc khác người thường.

**90.** Nguyễn-hiền tuy trẻ,  
Là thánh sinh-tri,  
Mười ba đỗ trạng,  
Thiên-hạ khen kỳ.

**91.** Hoài-văn lên bảy,  
Đánh vỡ quân Nguyên,  
Vốn dòng hào-kiệt,  
Học lũ Vương-tôn.

**92.** Trung-ngạn mười sáu,  
Đỗ Thái-học-sinh,  
Thần-đồng giá trọng,  
Lang-miếu tài lành.

**93.** Tướng gái Trưng-nhị,  
Cùng chị báo thù,  
Xông-pha hàng trận,  
Khí-khái trượng-phu.

**94.** Triệu-ẫu người Thanh,  
Vú dài ba thước,  
Nổi trận chống Ngô,  
Khen thay đởm-lược.

**95.** Nàng Ngô Chi-Lan,  
Làm quan Học-sĩ,  
Trong bọn quần-thoa,  
Cũng cao giá-trị.

**96.** Bà Đoàn-thị-Điểm,  
Chép truyện truyền-kỳ,  
Tài hoa nổi tiếng,  
Khuê-các ai bì ?

**97.** Người trước đã qua,  
Bóng-vang còn lại,  
Phảng phất trước đèn,  
Lòng ta nghĩ ngợi.

**98.** Hồng-bàng lại dậy,  
Bốn nghìn năm chầy,  
Lẻ tám trăm rầy,  
Trước vẫn là hay.

**99.** Mới về sau này,  
Ngày kém một ngày,  
Cho đến ngày nay,  
Yếu mãi hóa gầy.

**100.** Bệnh đã nặng thay !  
Tìm phương chữa ngay,  
May lại gặp thày,

Hạnh-phúc sau này.

**101.** Bây giờ đương độ,  
Năm châu tiến-bộ,  
Dân ta còn cổ,  
Đừng giữ thói hủ.

**102.** Nhà-nước dạy-giỗ,  
Hết lòng cổ-vũ,  
Khắp trong thành-phố,  
Cùng nơi thôn-ổ.

**103.** Sỹ, thương, nông-phố,  
Kỹ-nghệ, bác-cổ,  
Lập trường vô-số,  
Học-hành nên cố.

**104.** Ta phải theo thời,  
Kẻ què người cười,  
Ta phải trông người,  
Kẻ dốt thiệt đời.

**105.** Bỏ hết tính lười,  
Học rõ đến nơi,  
Cố sức theo đời,  
Học lấy thành tài.

**106.** Mục-đích cho rộng,  
Tư-tưởng cho đúng,  
Chuyên theo thực-dụng,  
Cách-trí làm trọng.

**107.** Phương-châm đã trúng,

Cứ con đường rộng,  
Tiến lên hùng-dũng,  
Trông chừng hy-vọng.

**108.** Con cháu rồng tiên,  
Tư-cách chẳng hèn,  
Đất rộng người liền,  
Có thể đua chen.

**109.** Có thể đua chen,  
Cố sức mà len,  
Có thày dẫn lên,  
Cũng chóng như tên.

**110.** Việc học đã thông,  
Đủ trong nước dùng,  
Bổn-phận là cùng,  
Ngãi-vụ cũng xong.

**111.** Ai ai một lòng,  
Hết ngãi-vụ chung,  
Dán mắt mà trông,  
Phút chốc lên không.

**112.** Đối với cha ông,  
Cùng là non sông,  
Lòng khỏi thẹn lòng,  
Danh-giá nhà Hồng.

**113.** Ấy cái tiến-trình,  
Mong bạn đầu xanh,  
Trí-não tinh nhanh,  
Đang sức học-hành.

**114.** Nước được văn-minh,  
Ta có vinh-danh,  
Nghìn thu sử xanh,  
Hỡi anh em mình !





# Notes

[ ← 1 ]

Ngũ-lĩnh là năm núi : Đại rữu, Thủy-an, Lâm-hạ, Quế-dương, Yết-môn.

[ ← 2 ]

1. Tung-lăng, 2. Lễ-toàn. 3. Hợp-phỉ, 4. Hoàng-nham, 5. Tuy-phụ, 6. Khiêm-châu.

[ ← 3 ]

Mang-vành, Làng-thị, Na-bí, Thượng-kế, Tá-bang, Sương-thịnh, Ba-lan,  
Tam-poun, Mương-bồng.

[ ← 4 ]

Gia-định, Vĩnh-long, Định-tường, An-giang, Hà-tiên, Biên-hòa.

[ ← 5 ]

Ba mươi một vạn kilomètres carrés.

[ ← 6 ]

Cũng là vua Kinh-dương.

[ ← 7 ]

Nghĩa này tôi đã bàn riêng.



[ ← 8 ]

Nghĩa này tôi đã bàn riêng.

[ ← 9 ]

Là sắc đẹp.

[ ← 10 ]

Hậu là bà Dương-hậu vợ vua Đinh-tiên-Hoàng.

[ ← 11 ]

Ngự thi có câu rằng : « Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã, sơn hà thiên cổ điện kim âu » nghĩa là xã-tắc đem về chôn ngựa đá, núi sông đời kiếp vững âu vàng.

[ ← 12 ]

Máy xem các vì sao chuyển vận.

[ ← 13 ]

Vẽ bốn ông Phụ-Chính đời xưa cho người Hồ-quí Ly.

[ ← 14 ]

Vua Uy-mục nhằm dùng người Mạc-đăng-Dung.

[ ← 15]

Ung châu là đất nước Tàu.



[ ← 16]

Quạ già tức là Hồ-quí-Ly.

[ ← 17 ]

Ba người trung-thần : Nguyễn-tri-Phương, Nguyễn-Duy, Nguyễn-Lâm.

[ ← 18 ]

Bốn người trung : Trương-quốc-Dụng, Nguyễn-tri-Phương, Đoàn-Thọ,  
Hoàng-Rượu thờ ở đền Trung-liệt.

[ ← 19]  
Tên làng.

[ ← 20]

Tàu khen ta là nước Văn-hiến.

[ ← 21 ]

Quốc-ngũ tức là chữ nô.

[ ← 22 ]

Lê-phụng-Hiểu và Phụng-Hải.